TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 354/2024/HS-PT
Ngày: 31 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường
Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Long
ông Phạm Văn Hợp

- *Thư ký phiên tòa*: ông Lương Quang Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2024/TLPT-HS ngày 31 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thanh Q về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2023/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1267/2024/QĐXXPT-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024.

1. Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1982 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: H đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: nhân viên; con ông Nguyễn Công H và con bà Trương Thị T; có vợ tên là Nguyễn Thị Ngọc L (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2012 và con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 31 tháng 8 năm 2022, có mặt tại phiên toà.

2. Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Thái Quốc V - Công ty L3, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ, có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 5 năm 2018, do làm ăn thua lỗ, vay mượn tiền nhiều người nhưng không có khả năng trả nên Nguyễn Thanh Q nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng việc đưa ra thông tin gian dối cần tiền để làm thủ tục đáo hạn ngân hàng, đầu tư kinh doanh bất động sản, rồi đưa ra mức lãi vay cao để bị hại tin tưởng cho Q vay tiền rồi chiếm đoạt.

Ngoài ra, thời gian này Q đang là cán bộ tín dụng của Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Đ (Ngân hàng B), do được phân công làm hồ sơ vay vốn của Công ty TNHH V2 nên Q có được xác nhận của Ngân hàng B đồng ý cấp tín dụng 25 tỷ đồng cho Công ty TNHH V2 - do bà Mai Thị K làm Giám đốc thì Q đã sử dụng xác nhận này đưa cho một số bị hại xem và đưa ra thông tin gian dối là bà K có nhu cầu vay tiền để tất toán khoản vay tại Ngân hàng khác, lấy tài sản bảo đảm về thế chấp vay 25 tỷ tại Ngân hàng B. Qua đó làm các bị hại tin tưởng giao tiền rồi chiếm đoạt. Số tiền chiếm đoạt được, Q dùng để trả lãi và gốc cho người khác hoặc trả cho chính các bị hại để những người này tin tưởng tiếp tục cho Q vay tiền.

Quá trình điều tra xác định từ tháng 5 năm 2018 đến tháng 4 năm 2021, bằng thủ đoạn nêu trên, Nguyễn Thanh Q đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 15 bị hại với tổng số tiền là 53.237.660.000 đồng, đã trả lại được 12.590.430.000 đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1. Chiếm đoạt của ông Võ Ngọc L1 07 tỷ đồng:

Nguyễn Thanh Q cùng làm với ông Võ Ngọc L1 tại Ngân hàng B. Ngày 19 tháng 9 năm 2019, Q nói với ông L1 cần tiền để đáo hạn Ngân hàng cho bà Mai Thị K là Giám đốc Công ty TNHH V2 và cho ông L1 xem Giấy xác nhận của Ngân hàng B đồng ý cấp tín dụng cho Công ty V2 và nói bà K nhờ Q giúp huy động tiền để tất toán các khoản vay của Ngân hàng khác để chuyển khoản vay qua Ngân hàng B. Ông L1 đã đồng ý cho Q vay 2.500.000.000 đồngtrong thời hạn từ ngày 19 đến ngày 26 tháng 9 năm 2019, lãi suất 0,2%/ ngày.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, Q tiếp tục nói với ông L1 là Công ty V2 cần thêm tiền để làm thủ tục tất toán bên Ngân hàng TMCP A. Ông L1 đã cho Q vay thêm 4.500.000.000 đồng trong thời hạn từ ngày 24 tháng 9 đến ngày 01 tháng 10 năm 2019, lãi suất 0,2%/ ngày.

Số tiền chiếm đoạt của ông L1, Q dùng trả nợ cho ông Nguyễn Thanh G 4.000.000.000 đồng và trả cho ông Cao Thanh T1 3.000.000.000 đồng. Đến hạn không thấy Q trả tiền và không liên lạc được với Q, nên ông L1 tìm gặp bà K thì biết bà không nhờ Q vay tiền. Sau đó, từ ngày 26 tháng 9 năm 2019

đến ngày 04 tháng 5 năm 2020, Q trả cho ông L1 được 463.000.000 đồng. Hiện còn chiếm đoạt 6.537.000.000 đồng.

Vụ thứ 2. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Thanh T2 3,5 tỷ đồng:

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, Q hỏi vay 2.000.000.000 đồng của ông Nguyễn Thanh T2 nói để làm thủ tục đáo hạn khoản vay cho Công ty H5 tại Ngân hàng H6 - Chi nhánh C1 (Đà Nẵng), hứa hẹn đến ngày 25 tháng 9 năm 2019 trả. Do tin tưởng vì cùng làm tại Ngân hàng B nên ông T2 đồng ý cho vay. Tuy nhiên, lúc này ông T2 chỉ có 1.500.000.000 đồng nên ông T2 đã vay thêm của bà Lê Thị Trà T3 (cùng làm tại Ngân hàng B) 500.000.000 đồng để đủ 2.000.000.000 đồng đưa cho Q. Đến hạn trả nợ nhưng không có tiền trả thì Q nói dối với ông T2 dùng tiền cho Công ty TNHH V2 vay để tất toán nợ. Đồng thời, Q viết Giấy vay 2.000.000.000 đồng trong hạn từ ngày 25 tháng 9 năm 2019 đến ngày 01 tháng 10 năm 2019 và đưa cho ông T2 giữ giấy.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, Q tiếp tục hỏi vay 2.000.000.000 đồng của ông T2 để làm thủ tục đáo hạn khoản vay cho cho Công ty TNHH V2 và hứa hẹn ngày 01 tháng 10 năm 2019 sẽ trả tiền vay cùng với lãi 0,2%/ ngày nên ông T2 tin tưởng và đồng ý. Đến ngày 01 tháng 10 năm 2019, Q nghỉ việc tại Ngân hàng và bỏ trốn.

Đến khoảng giữa tháng 10 năm 2019, bà T3 đòi 500.000.000 đồng thì ông T2 nói đã đưa cho Q vay. Bà T3 yêu cầu xác định người chịu trách nhiệm trả số tiền này cho bà thì giữa Q, ông T2 và bà T3 đã có liên lạc qua điện thoại thỏa thuận thống nhất là Q sẽ chịu trách nhiệm trả 500.000.000 đồng cho bà T3, nên số tiền nợ của Q đối với ông T2 còn lại 3.500.000.000 đồng.

Đối với số tiền nhận của ông T2, từ ngày 17 tháng 9 năm 2019 đến ngày 21 tháng 01 năm 2020, Q trả được 140.000.000 đồng. Hiện còn chiếm đoạt 3.360.000.000 đồng.

Vụ thứ 3. Chiếm đoạt của bà Lê Thị Ngọc Q1 2,7 tỷ đồng:

Từ ngày 27 tháng 5 năm 2019 đến ngày 01 tháng 9 năm 2019, Q đến nói với bà Lê Thị Ngọc Q1 cần tiền để mua đất phát mãi của Ngân hàng B với giá rẻ và hứa hẹn trả lãi suất 7,5% một tháng để bà Q1 tin tưởng nhiều lần giao tổng cộng 2.700.000.000 đồng.

Từ thời gian ngày 27 tháng 5 năm 2019 đến ngày 03 tháng 02 năm 2021, Q đã trả cho bà Q1 tổng số tiền là 1.074.800.000 đồng. Hiện còn chiếm đoạt 1.625.200.000 đồng.

Vụ thứ 4. Chiếm đoạt của bà Phan Thị L2 1,25 tỷ đồng:

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, Q đến gặp bà Phan Thị L2 (là Kế toán của Công ty có vay vốn của Ngân hàng B) nói cần tiền để đáo hạn Ngân hàng, nên

hỏi vay và được bà L2 cho vay 350.000.000 đồng với lãi suất 0,2%/ ngày. Với thủ đoạn trên, ngày 11 tháng 7 năm 2019 và ngày 27 tháng 9 năm 2019, Q tiếp tục chiếm đoạt thêm của bà L2 lần lượt 700.000.000 đồng và 200.000.000 đồng.

Tổng cộng, Q chiếm đoạt của bà L2 1.250.000.000 đồng. Ngày 19 tháng 10 năm 2019, Q trả lại cho bà L2 được 40.000.000 đồng. Hiện còn chiếm đoạt 1.210.000.000 đồng.

Vụ thứ 5. Chiếm đoạt của ông Lê Viết H1 2,950 tỷ đồng:

Khoảng tháng 9 năm 2019, Q nói để làm thủ tục đáo hạn khoản vay cho Công ty H5 tại Ngân hàng H6 - Chi nhánh C1 (Đà Nẵng) để hỏi vay của ông Lê Viết H1 tổng số tiền 2.950.000.000 đồng, hứa hẹn đến ngày 26 tháng 9 năm 2019 sẽ hoàn trả lại tiền vay và lãi suất là 7,5%/ tháng. Do tin tưởng cùng làm tại Ngân hàng B, nên ông H1 đồng ý cho Q vay. Sau đó, Q nghỉ việc và bỏ trốn.

Từ ngày 20 tháng 5 năm 2020 đến ngày 07 tháng 4 năm 2021, Q trả lại cho ông H1 được 720.000.000 đồng. Hiện còn chiếm đoạt 2.230.000.000 đồng.

Vụ thứ 6. Chiếm đoạt của bà Lê Thị Trà T3 1,63 tỷ đồng:

Khoảng cuối tháng 8 năm 2019, Q hỏi vay của bà Lê Thị Trà T3 (là Kế toán Ngân hàng B) 350.000.000 đồng để làm thủ tục đáo hạn Ngân hàng, hứa hẹn trả lãi suất 08%/năm. Khoảng 05 ngày sau Q trả cho bà T3 220.000.000 đồng, còn nợ 130.000.000 đồng. Đến ngày 20 tháng 9 năm 2019, Q tiếp tục nói cần tiền để đáo hạn Ngân hàng cho khách hàng để vay bà T3 1.000.000.000 đồng, vay trong hạn từ ngày 20 tháng 9 năm 2019 đến ngày 26 tháng 9 năm 2019 với lãi suất 0,2%/ ngày.

Ngoài ra, cũng trong ngày 20 tháng 9 năm 2019 bà T3 đưa cho ông T2 500.000.000 đồng để cho Q vay (như đã nêu tại vụ thứ 2) và sau đó bà T3, ông T2 và Q thống nhất Q sẽ chịu trách nhiệm số tiền này đối với bà T3.

Tổng cộng Q chiếm đoạt của bà T3 1.630.000.000 đồng. Từ ngày 10 tháng 10 năm 2019 đến ngày 26 tháng 10 năm 2020, Q trả lại được 215.000.000 đồng. H2 còn chiếm đoạt 1.415.000.000 đồng.

Vụ thứ 7. Chiếm đoạt của ông Phan T4 01 tỷ đồng:

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, Q nói dối ông Phan T4 là cần tiền đáo hạn Ngân hàng cho khách hàng để vay của ông T4 100.000.000 đồng trong thời hạn từ ngày 27 tháng 8 năm 2020 đến ngày 27 tháng 10 năm 2020, hứa hẹn trả lãi suất 6%/tháng. Đến ngày 07 tháng 9 năm 2020, Q tiếp tục nói cần tiền đáo hạn Ngân hàng để vay ông T4 100.000.000 đồng, hẹn đến ngày 07 tháng 10

năm 2020 trả lại. Ngày 25 tháng 9 năm 2020, cùng thủ đoạn như trên, Q vay của ông T4 500.000.000 đồng.

Ngoài ra, trước đó từ tháng 3 năm 2020 Q còn vay của ông T4 nhiều lần với tổng số tiền 300.000.000 đồng nhưng chưa trả, nên ngày 25 tháng 9 năm 2020 Q viết lại cho ông T4 01 Giấy nợ vay tổng số tiền 300.000.000 đồng và ông T4 đưa lại cho Q các giấy ghi nợ cũ.

Tổng cộng Q chiếm đoạt của ông T4 1.000.000.000 đồng. Từ tháng 3 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Q trả cho ông T4 216.500.000 đồng. Hiện còn chiếm đoạt 783.500.000 đồng.

Vụ thứ 8. Chiếm đoạt của ông Lê Hùng C 2.377.660.000 đồng:

Tháng 12 năm 2018, Nguyễn Thanh Q nói dối ông Lê Hùng C là cần tiền để đầu tư kinh doanh đất đai và đáo hạn Ngân hàng để hỏi vay tiền. Do ông C đang thế chấp lô đất số 84, tờ bản đồ 159 tại tổ C, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng tại Ngân hàng B - Chi nhánh Đ vay số tiền là 800.000.000 đồng, nên Q nói ông C làm hồ sơ vay thêm 550.000.000 đồng đưa cho Q. Q hứa hẹn sẽ trả tiền lãi hàng tháng cho toàn bộ khoản vay 1.350.000.000 đồng của ông C tại Ngân hàng B và hẹn một năm sau sẽ trả lại tiền cho ông C.

Khoảng từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021, Q tiếp tục đưa ra thông tin gian dối cần tiền để làm đáo hạn Ngân hàng cho khách để ông C tin tưởng và nhiều lần chuyển khoản cho Q vay tổng cộng 1.827.660.000 đồng. Tổng cộng, Q chiếm đoạt của ông C số tiền 2.377.660.000 đồng.

Vụ thứ 9. Chiếm đoạt bà Nguyễn Thị Hoàng P 400.000.000 đồng:

Khoảng cuối năm 2019, Q quen biết bà Trần Thị Minh H3 và được bà H3 giao xe ôtô Kia Optima, biển số 43A-365.30 và toàn bộ giấy tờ xe để Q sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngày 26 tháng 8 năm 2020, do cần tiền sử dụng cá nhân và trả nợ, biết vợ chồng ông Nguyễn Mai Quang T5 và bà Lê Nguyễn Thanh T6 có quen biết nhiều người có thể nhận thế chấp tài sản cho vay tiền với lãi suất thấp. Q gặp vợ chồng ông T5, bà T6, nói đây là xe ôtô của Q mua nhưng chưa làm thủ tục sang tên và nhờ 02 người này thế chấp xe để vay bà Nguyễn Thị Hoàng P số tiền 400.000.000 đồng. Đến ngày 24 tháng 6 năm 2022, ông T5, bà T6 nhiều lần yêu cầu trả tiền cho bà P, nên Q liên hệ bà P viết Giấy cam kết hứa hẹn ngày 15 tháng 10 năm 2022 sẽ trả hết tiền cho bà P. Nhưng đến nay không trả.

Vụ thứ 10. Chiếm đoạt của bà Trần Thị Tô N 3,3 tỷ đồng:

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, Q hỏi vay của bà Trần Thị Tô N 2.700.000.000 đồng để đáo hạn cho Công ty TNHH V2 và hứa hẹn đến ngày

30 tháng 9 năm 2019 trả đủ tiền vay, cũng như lãi 0,2%/ ngày, nên bà N đồng ý. Tuy nhiên, đến ngày hẹn trả nợ vay thì Q không trả tiền cho bà N.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, Q nói dối cần tiền để thanh toán hạn mức vay của thẻ Visa, sau đó mở lại hạn mức vay mới rồi sẽ rút tiền trong thẻ trả lại cho bà N 1.000.000.000 đồng để bà N tin tưởng giao thêm số tiền 400.000.000 đồng. Q viết Giấy mượn tiền đề ngày 30 tháng 11 năm 2020 số tiền 400.000.000 đồng, thời gian từ ngày 30 tháng 11 năm 2020 đến ngày 09 tháng 12 năm 2020.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020, Q tiếp tục gặp bà N nói cần tiền lo cho dự án đầu tuyến cầu T hỏi vay số tiền 200.000.000 đồng và viết Giấy nhận tiền đề ngày 02 tháng 12 năm 2020 giao cho bà N giữ giấy.

Tổng cộng Q nhận và chiếm đoạt của bà N 3.300.000.000đồng. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 09 tháng 12 năm 2020, Q trả cho bà N được 932.000.000 đồng. Hiện còn chiếm đoạt 2.368.000.000 đồng.

Vụ thứ 11. Chiếm đoạt của ông Quách Trung V1 01 tỷ đồng:

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, Q nói dối ông V1 là có khách hàng cần vay số tiền 1.000.000.000 đồng để đáo hạn và hứa hẹn lãi suất 06%/tháng, thời hạn vay từ ngày 06 tháng 9 năm 2019 đến ngày 06 tháng 10 năm 2019. Từ ngày 05 tháng 8 năm 2020 đến ngày 29 tháng 01 năm 2021, Q trả cho ông V1 được 85.000.000 đồng. Sau nhiều lần đòi nhưng Q không có tiền trả.

Ngày 09 tháng 10 năm 2021, Q viết cho ông V1 Giấy hẹn đến ngày 15 tháng 11 năm 2021 sẽ trả 1.000.000.000 đồng. Nhưng đến nay chưa trả.

Vụ thứ 12. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Hồ Thị Như N1 780 triệu đồng:

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, Nguyễn Thanh Q nói dối bà Nguyễn Hồ Thị Như N1 là có khách hàng cần huy động vốn đáo hạn Ngân hàng để vay của bà N1 480.000.000 đồng. Q hứa hẹn trả cho bà N1 lãi suất 05%/tháng, thời hạn vay từ ngày 15 tháng 8 năm 2019 đến ngày 15 tháng 11 năm 2019.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, với thủ đoạn trên Q tiếp tục vay của bà N1 300.000.000 đồng,cam kết thời hạn vay từ ngày 21 tháng 8 năm 2019 đến ngày 21 tháng 11 năm 2019. Tổng cộng, Q nhận và chiếm đoạt của bà N1 780.000.000 đồng.

Từ ngày 17 tháng 9 năm 2019 đến ngày 28 tháng 7 năm 2020, Q trả cho bà N1 được 110.000.000 đồng. Hiện còn chiếm đoạt 670.000.000 đồng.

Vụ thứ 13. Chiếm đoạt của bà Lê Nguyễn Thanh T6 4,250 tỷ đồng:

Từ khoảng tháng 5 năm 2018, Nguyễn Thanh Q nói dối với bà Lê Nguyễn Thanh T6 là cần tiền để đầu tư kinh doanh bất động sản và góp vốn đầu tư dự án Lô A Khu đầu cầu T thuộc vệt khai thác mở rộng đường L, Đà

Nẵng để hỏi vay tiền của bà T6. Bà T6 tin là thật, nên từ tháng 5 năm 2018 đến ngày 16 tháng 10 năm 2020 đã 08 lần cho Q vay tiền tổng cộng là 4.250.000.000 đồng. Q lấy tiền vay của bà T6 sử dụng cá nhân, trả nợ hết.

Đến ngày 21 tháng 6 năm 2021, Q gặp bà T6 thừa nhận đã nói dối để vay tiền của bà T6 và viết Giấy xác nhận nợ của bà T6 16.190.000.000 đồng. Quá trình làm việc, qua kiểm tra sao kê tài khoản ngân hàng, bà T6 xác nhận chỉ đưa cho Q số tiền 4.250.000.000 đồng và bị Q chiếm đoạt, hiện Q chưa trả lại. Số tiền còn lại bà T6 cho bà Mai Nữ Lan N2 (trú B T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng, hiện đang bị khởi tố trong vụ án khác) vay, nhờ Q viết giấy xác nhận giúp. Hiện bà T6 đã gửi Đơn tố cáo N2.

Vụ thứ 14. Chiếm đoạt của bà Ngô Thị Hoài H4 13,5 tỷ đồng:

Khoảng cuối năm 2018, Q gặp bà Ngô Thị Hoài H4 nói có khách nhờ Q huy động vốn để đáo hạn Ngân hàng để bà H4 tin tưởng, Q đưa ra mức lãi suất 0,35%/ ngày và dùng tiền vay sau của bà H4 để trả một phần khoản nợ gốc và lãi vay của khoản vay trước. Qua đó, Q nhiều lần vay tiền của bà H4 rồi chiếm đoạt.

Đến ngày 26 tháng 9 năm 2019, Q tiếp tục gặp bà H4 và nói Công ty TNHH V2 đang cần vay tiền tất toán khoản vay tại Ngân hàng khác để chuyển sang vay vốn tại Ngân hàng B và đưa cho bà H4 xem xác nhận của Ngân hàng B đồng ý cấp tín dụng cho Công ty TNHH V2 số tiền 25.000.000.000 đồng. Bà H4 tin tưởng nên giao tiếp cho Q 4.200.000.000 đồng. Sau đó, hai bên cùng nhau đối chiếu chốt lại toàn bộ khoản tiền bà H4 giao cho Q tổng cộng là 13.500.000.000 đồng.

Do bà H4 giao tiền nhiều thời điểm khác nhau, nên Q viết 04 Giấy mượn tiền nợ gồm: Giấy ghi ngày 26 tháng 9 năm 2019 với số tiền 6.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 26 tháng 9 năm 2019 đến ngày 10 tháng 10 năm 2019; Giấy ghi ngày 26 tháng 9 năm 2019 với số tiền 4.500.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 26 tháng 9 năm 2019 đến ngày 01 tháng 10 năm 2019; Giấy ghi ngày 26 tháng 9 năm 2019 với số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 26 tháng 9 năm 2019 đến ngày 06 tháng 10 năm 2019; Giấy ghi ngày 26 tháng 9 năm 2019 với số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 26 tháng 9 năm 2019 đến ngày 06 tháng 10 năm 2019. Tổng cộng các Giấy mượn tiền là 14.000.000.000 đồng. Nhưng khi bà H4 kiểm tra lại số tiền đã đưa cho Q thì xác định số tiền thực tế Q chiếm đoạt là 13.500.000.000 đồng. Trong số tiền chiếm đoạt, Q đã trả cho bà H4 được 5.682.200.000 đồng. Hiện còn chiếm đoạt 7.817.800.000 đồng.

Vụ thứ 15. Chiếm đoạt của ông Đoàn Văn T7 7,6 tỷ đồng:

Do cùng làm tại Ngân hàng B và có mối quan hệ thân thiết, nên từ khoảng tháng 02 năm 2020 đến tháng 4 năm 2021, Q nói dối với ông Đoàn Văn T7 là cần tiền làm đáo hạn Ngân hàng và đầu tư các dự án bất động sản tại tỉnh Quảng Bình để anh T7 tin tưởng cho vay tổng cộng 7.600.000.000 đồng. Quá trình giao nhận tiền, do tin tưởng nên T7 không yêu cầu Q lập Hợp đồng, mà chỉ ghi nhớ qua chuyển khoản Ngân hàng. Đến khoảng tháng 4 năm 2021, khi T7 đòi tiền thì Q thừa nhận tiền vay của ông T7 không dùng để đáo hạn Ngân hàng hay đầu tư bất động sản tại Quảng Bình, mà dùng để trả nợ, hiện không còn khả năng trả lại. Do đó, ông T7 yêu cầu Q lập giấy tờ xác nhận và Q đã ký cho ông T7 03 Hợp đồng mượn tiền ghi các ngày 02 tháng 02 năm 2021, ngày 01 tháng 3 năm 2021 và ngày 08 tháng 4 năm 2021 với tổng số tiền mượn là 7.600.000.000 đồng. Để ông T7 tin tưởng số tiền đầu tư sinh lợi, Q dùng một phần tiền này trả gốc và lãi.

Từ ngày 18 tháng 02 năm 2020 đến ngày 30 tháng 11 năm 2021, Q chuyển khoản trả cho ông T7 được 2.911.930.000 đồng. Hiện còn chiếm đoạt 4.688.070.000 đồng.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2023/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh Q phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Q tù Chung thân. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31 tháng 8 năm 2022.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 01 tháng 01 năm 2024, bị cáo Nguyễn Thanh Q kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thanh Q trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh Q là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: bị cáo Nguyễn Thanh Q đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của 15 bị hại với tổng số tiền là 53.237.660.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm xét

xử bị cáo Nguyễn Thanh Q về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Q tù Chung thân là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hai bị hại có Đơn trình bày xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố mẹ bị cáo là người có công. Tuy nhiên, đối chiếu hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: về tội danh, khung hình phạt Toà án cấp sơ thẩm xét xử, áp dụng đối với bị cáo thì Luật sư không tranh luận. Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo cung cấp 02 Đơn trình bày của 02 bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố mẹ bị cáo là người có công. Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là không chính xác, vì đã áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần thì không áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Bị cáo phạm tội là do lâm vào hoàn cảnh khó khăn và bị người khác lừa chiếm đoạt tiền của bị cáo. Trong tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt đã khắc phục được 13 tỷ đồng. Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức tù Chung thân là nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo tranh luận bổ sung: tôi không sử dụng số tiền chiếm đoạt cho cá nhân, mà tôi bị người khác lừa hết, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: trong khoảng thời gian 03 năm bị cáo thực hiện 27 lần lừa đảo chiếm đoạt của 15 bị hại với số tiền đặc biệt lớn, trong khi đó bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là đúng pháp luật.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 01 tháng 01 năm 2024 bị cáo Nguyễn Thanh Q kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2023/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Như vậy, kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn luật định. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thanh Q khai nhận hành vi phạm tội của mình, thể hiện: trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2018 đến tháng 4 năm 2021, Nguyễn Thanh Q bằng nhiều thủ đoạn gian dối để tạo niềm tin cho các bị hại đã chiếm đoạt tài sản của 15 người với tổng số tiền là 53.237.660.000 đồng. Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn Q2 phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ khẳng định: Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử và kết tội bị cáo Nguyễn Thanh Q về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: "Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) *Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*;

b) …".

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thanh Q chiếm đoạt của 15 bị hại là 53.237.660.000 đồng, lớn gấp nhiều lần mức khởi điểm của khoản 4 mà bị cáo bị xét xử, nên đã phạm vào điểm a khoản 4 theo Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, thuộc trường hợp phạm tội đặc biệt nghiên trọng. Số tiền bị cáo khắc phục trong giai đoạn sơ thẩm so với số tiền chiếm đoạt là không đáng kể. Ngoài ra, bị cáo còn bị áp dụng hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thanh Q là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích về tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Từ đó, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định của pháp luật là có căn cứ và xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Q tù Chung thân là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Tại phiên toà xét xử phúc thẩm hôm nay gia đình bị cáo cung cấp 02 Đơn trình bày của 02 bị hại có nội dung xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố mẹ bị cáo là người có công. Tình tiết mới này Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng không đáng kể để làm thay đổi mức hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung phân tích nêu

trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Thanh Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh Q phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Q tù Chung thân. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31 tháng 8 năm 2022.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Thanh Q phải chịu 200.000đ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký) (Đã ký)

Nguyễn Tấn Long **Phạm Văn Hợp** **Trần Quốc Cường**